

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-3-2025
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung và chia tài sản chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Dũ.
- Ông Lê Văn Thương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Giảng Thanh T**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn T1**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có đơn xin xin xét vắng mặt; Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giảng Thanh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T1 được sự tác hợp của gia đình rồi tiến tới hôn nhân từ năm 2022. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, ngày 26/12/2022.

Quá trình sống chung, giữa chị và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, lối sống. Dù đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không được. Từ tháng 03/2024, chị T đang đem con về nhà cha, mẹ ruột sống cho đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 người con chung là cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 17/9/2023. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Đ và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng vào ngày đầu tiên của các tháng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

- Về tài sản chung: Chị T yêu cầu chia đôi tài sản chung, mỗi người được 1/2 cho chị T và anh T1 là 09 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K do cha, mẹ chồng cho trong ngày cưới.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 09/01/2025, chị Giảng Thanh T xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Bản tự khai ngày 20/12/2024, bị đơn anh Trần Văn T1 trình bày:**

- Về hôn nhân: Thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng không mâu thuẫn gì, chị T tự ý ôm con bỏ đi. Vì còn thương vợ, thương con nên anh không muốn ly hôn, muốn hàn gắn, đoàn tụ.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thành Đ, sinh ngày 17/9/2023. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T1 đồng ý giao cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành

đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T ly hôn với anh T1.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 17/9/2023 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh T1 thực hiện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Về tài sản chung: Do chị T đã có đơn tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T và anh T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1 . *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn, quyền nuôi con và chia tài sản chung với anh T1; anh T1 có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2 . *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh T1 vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

3 . *Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn chị T đã tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung.

4 . *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh T1 được sự tác hợp của gia đình rồi tiến tới hôn nhân từ năm 2022. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, ngày 26/12/2022.

Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu ly hôn, anh T1 không muốn ly hôn, muốn hàn gắn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được giải thích hậu quả pháp lý của việc ly hôn, nhưng vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T1. Anh T1 không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh và chị T không có mâu thuẫn gì, muốn hàn gắn vợ, chồng nhưng không đưa ra được phương án nào khả dĩ để giải quyết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án triệu tập để hòa giải nhưng anh T1 vẫn vắng mặt. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Trần Văn T1 của chị Giảng Thanh T.

[5]. *Về con chung*: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 17/9/2023. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và được anh T1 đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 17/9/2023 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Trần Thành Đ với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng vào ngày đầu tiên của các tháng, thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Tại Bản tự khai ngày 20/12/2024, anh T1 cũng có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Đ 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị T là phù hợp.

[6]. *Về tài sản chung*: Ngày 09/01/2025, chị T đã có đơn tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung là chia đôi tài sản chung là vàng cưới cho chị T và anh T1 là 09 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K. Anh Trần Văn T1 cũng không có ý kiến gì đối với việc chị T rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

[7]. *Về nợ chung*: Chị T và anh T1 đều khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. *Về án phí*: Chị Giảng Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ1 a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. H lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu

chia tài sản chung cho chị T.

Anh Trần Văn T1 phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 28, Đ1 a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 217, 218, 219, 227, 228, 244, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a Khoản 5 và Đ1 a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết số Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giảng Thanh T. Cho ly hôn giữa chị Giảng Thanh T và anh Trần Văn T1.

2. Về con chung: Giao một con chung giữa chị Giảng Thanh T và anh Trần Văn T1 là cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 17/9/2023 cho chị Giảng Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.1. Anh Trần Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Chị Giảng Thanh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Trần Văn T1 phải có nghĩa vụ cấp

đường nuôi con chung cho cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 17/9/2023 với mức cấp dưỡng là **1.500.000** đồng/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng trên tháng*). Thực hiện cấp dưỡng vào ngày đầu tiên của các tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Giảng Thanh T.

4. Về án phí:

4.1. Chị Giảng Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003602 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

H lại cho chị Giảng Thanh T số tiền 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu 0003603 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

4.2. Anh Trần Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu